

895.922 803

ĐC

NH 556 B

LÝ VĂN SÂM

**NHỮNG  
BỨC  
CHÂN  
DUNG**

TRUYỆN KÝ



NHÀ XUẤT BẢN  
ĐỒNG NAI

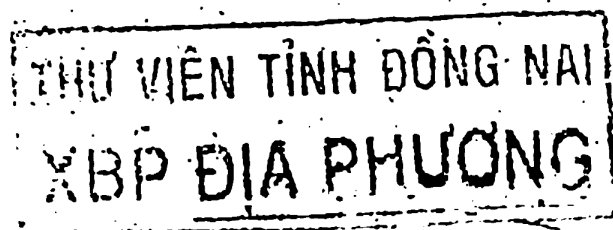
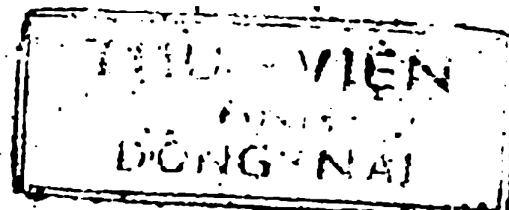
5

# **NHỮNG BƯỚC CHÂN DUNG**

LÝ VĂN SÂM

# NHỮNG BƯỚC CHÂN DUNG

TRUYỆN KÝ



NHÀ XUẤT BẢN ĐỒNG NAI — 1983

# CON TẮM DẦU THÁC CŨNG CÒN VƯƠNG TƠ

Tên tuổi và những vở cải lương nổi tiếng được nhiều người thưởng thức và ưa thích của nhà soạn kịch cải lương Trần Hữu Trang đã trở thành quen thân với tôi ngay từ lúc tôi hầy còn là một cậu học trò trường tỉnh. Cốt chuyện, nhân vật và những lớp lang gay cấn của những vở Tô Ánh Nguyệt, Tình Lụy, Đời Cô Lựu, Tim Hạnh Phúc, Chị Chồng Tôi, Mộng Hoàng Vương, Lan và Điệp... của anh viết cho các gánh hát Trần Đắc (của Trần Đắc Nghĩa) Nam Phi (của chị Năm Phi) Phụng Hào (của chị Phùng Há) Đại Phước Cường (của tập thể các anh Năm Châu, Bảy Nhiêu, Năm Phi, Bảy Nam và ông bầu Nguyễn Ngọc Cường). Viết kịch Năm Châu (của anh Năm Châu và chị Kim Cúc) đã in đậm dấu son tình cảm trong trái tim niên thiếu của tôi và gợi cho tôi nhiều điều suy ngẫm về thế thái nhưn tình, về quan niệm yêu đương, về những tấn trò đời bi ối của hiện trạng xã hội bị đế quốc thực dân Pháp và tay sai phong kiến thống trị hồi bấy giờ.

Trước khi trở thành ngôi sao sáng trong lòng soạn giả cải lương, anh Trần Hữu Trang là con em một gia đình trung nông lớp dưới làng Phú Kiệt, tỉnh Mỹ Tho. Thiều năm anh tham gia lao động cày cấy với bà con xóm làng và sau đó anh là chủ nhân một tiệm hớt tóc nhỏ ở đường Tân Hiệp cách Phú Kiệt khoảng ba, bốn cây số. Chính anh cũng cầm "tông-đờ" cắt tóc cho khách như những người thợ khác. Trong thời gian này anh có soạn một số

bài ca lễ cải lương và thỉnh thoảng ôm cây đàn kiểem của “thầy Mười Giảng” tặng ? đi tham gia những đêm “hòa âm, hòa điệu” với ban bè tri kỷ ở Tân Hiệp và những vùng lân cận.

Mỹ Tho vốn là quê hương của những phong trào và cao trào yêu nước cách mạng; quê hương của Nam kỳ khởi nghĩa. Bến Tranh — Phú Kiết là nơi chôn nhau cắt rún và là vùng hoạt động chống Pháp của Thủ Khoa Huân. “Bất hạnh cam đoan tướng quan đầu” câu thơ khẳng khái ngâm lên trước giờ bị giặc hành quyết của bậc tiên liệt này còn âm vang mãi mãi với sông nước dòng “Thơ thủy”. Mỹ Tho còn là căn cứ địa nghĩa quân của Bình Tây đại nguyên soái Trương Định và biết bao anh hùng liệt sỹ khác thời thực dân Pháp mới đặt chân lên đất lục tỉnh.

Cũng tại đất Mỹ Tho này nền văn nghệ cải lương đã trải qua thời kỳ phôi thai và trưởng thành từ bài “Tứ đại oán” (Nguyệt Nga — Bùi Kiệm) có kèm điệu bộ của cô Ba Đắc đến gánh hát đầu tiên của thầy Năm Tú và ca đoàn cải lương Tân Đồng Ban Tái đồng ban mà ngay từ khi mới ra mắt đã được đồng bào nô nức tán thưởng.

Soạn giả Trần Hữu Trang chào đời và lớn lên trên mảnh đất quê hương sôi sục các cuộc nổi dậy này. Mỹ Tho giàu truyền thống cách mạng và nghệ thuật chân chính là môi trường thuận lợi cho tâm hồn yêu nước và yêu nghệ thuật của anh được sớm phát huy. Bản thân anh Trần Hữu Trang rất sớm giác ngộ giai cấp. Theo như anh kể lại thì sở dĩ anh viết được một số vở có nội dung tích cực là nhờ được sự gợi ý và chỉ dẫn của vài đồng chí cách mạng mà anh được tiếp xúc thời đó.

(Anh có nhắc tên nhưng rất tiếc lâu ngày tôi không còn nhớ ra nữa).

Anh nhập tịch làng cải lương vào khoảng năm 1930 và từ đó anh đã giúp việc cho nhiều gánh hát lớn với cái nghề khiêm tốn là thư ký chép tuồng. Anh chép tuồng rất siêng năng cần cù và nuôi ý chí trở thành cây bút soạn tuồng cải lương để dùng nghệ thuật sân khấu bày tỏ quan điểm và thái độ của mình đối với các vấn đề đất nước và xã hội đương thời.

Theo tôi được biết thì cây bút soạn kịch cải lương Trần Hữu Trang xuất hiện sau những tài năng đi trước như Đào Châu (tác giả vở Xử Án Bàng Quý Phi) Nguyễn Công Mạnh, Trần Phong Sắc, Phạm Thị Phương (vở Lý Chơn Tâm Cối Cối của nữ soạn giả này đã đưa Hồ Lập lên hàng diễn viên thượng thặng) Đặng Công Danh (tức thầy Mười Giảng tác giả vở Tứ Đồ Trường) Mộc Quán Nguyễn Trọng Quyền (tác giả vở Phụng Nghi Đình), Ngô Vĩnh Khang (tác giả vở Tư Vương Đến Thác) Trần Quang Tiên, Nguyễn Thành Châu (tức Năm Châu) Huỳnh Thủ Trung (tức Tư Chơi), Huỳnh Năng Nhiều (tức Bảy Nhiều) Mộng Ân Lê Hoài Nở (soạn giả chuyên về đề tài xã hội với vở cải lương đặc sắc Vó Ngựa Truy Phong). Vậy mà hằng bao lâu sau khi một số vở hát (trừ vở đầu tay Tâm Đồn nghệ sĩ không mấy gì thành công) của anh được các đoàn hát lớn dàn dựng và giới thiệu, kịch tác giả Trần Hữu Trang đã có được ngay một vị trí và uy tín ngang hàng với các soạn giả "lừng danh" hồi đó. Các nghệ sĩ đàn anh như Năm Phi, Phùng Há, Tư Út, Tì Ah, Bảy Nam, Bảy Nhiều... rất hào hứng và thích thú được giao cho những vai chủ chốt trong các "thú hát"

của Trần Hữu Trang. Thuở thịnh thời, chị Năm Phi thường tâm sự với đồng nghiệp : "Tôi có tật mau mũi lòng. Tôi thường khóc mũi mẫn trong lúc tập tuồng Bàng Quí Phi, Huyền Châu Nữ của các anh Đào Châu và Năm Châu làm tôi xốn xang nước mắt. Một Hoa Vương Nữ và Lan của anh Tư Trang đã hại tôi ghen khóc bỏ tập tuồng nửa chừng mấy lần rồi". Còn chị Phùng Há thì rất khoan khoái với vai Lựu trong đời Cô Lựu. Chị nói : "Ai cũng cho tôi giỏi có môn tuồng Quảng. Đời Cô Lựu của anh Tư cho thấy là tôi "sắm tuồng Tây" đâu có thua gì tuồng Quảng đâu. Khán giả Nam Bộ rất yêu mến "kép mũi" Tư Út vì anh thường thủ các vai chánh trong hầu hết các vở hát ăn khách như Tội Của Ai (của anh Năm Châu) Lỡ Tay Trót Đã Nhúng Chàm (của anh Tư Chơi) v.v... Về sau anh còn được hâm mộ thêm khi anh là Điệp trong Lan và Điệp, Minh trong Tô Ánh Nguyệt, sứ thần Ngô Trung Cảnh trong Mộng Hoa Vương của Trần Hữu Trang. Những đêm trình diễn vở hát của "Thầy Tư Trang" thường là những đêm khán giả nghệt rạp.

Rất dễ hiểu vì sao các vở hát của Trần Hữu Trang lại sống lâu như vậy. Nội dung yêu nước, tiến bộ, tính tư tưởng, chất hiện thực phê phán giá trị văn học trong phần lớn các vở của anh là tiêu chuẩn ngày càng được xác định trong giới văn học nghệ thuật cả nước kể cả nước ngoài. Chỉ riêng hai vở Tô Ánh Nguyệt và Đời Cô Lựu cũng đủ thấy lòng nhân đạo, chất trữ tình và tính xã hội, tính nhân dân mà tác giả đã gói gắm vào các nhân vật sáng tạo của mình sâu sắc là dường nào ! Hàng triệu khán giả và thính giả mộ điệu cái lương coi đi coi

lại, nghe đi nghe lại nhiều lần trên sân khấu và trong đĩa hát như các vở: Tô Ánh Nguyệt, Hoa Rơi Cù, Phật (tức Lan và Diệp), Đời Cô Lụa, Mộng Hoa Vương mà không hề thấy chán. Hàng chục bức thư của Việt Kiều từ hải ngoại gửi về khuyến khích và hết lời ca ngợi tác giả của những vở kể trên.

Tôi không có tham vọng viết lại đầy đủ thân thế và sự nghiệp cách mạng, sự nghiệp văn chương của anh Tư Trang. Việc đó trên sức tôi. Trong phạm vi bài này tôi chỉ muốn nhắc lại những kỷ niệm thấm thía trong mối quan hệ đồng nghiệp và đồng chí thiêng liêng giữa anh Tư và tôi mà thôi.

Những năm tháng sôi nổi của thời kỳ Mặt Trận Dân Chủ Đông Dương (1936—1939) đã khuấy động chất lãng mạn cách mạng trong tâm hồn tôi rất dữ. Tôi cùng vài người bạn chí cốt trong tỉnh nuôi mộng lập một gánh hát nghiệp dư gồm toàn "cây nhà, lá vườn" để đi hát quanh các chợ quận lấy tiền giúp các quỹ cứu tế và các hội đá banh, hội âm công v.v., vốn mê cải lương, tôi đã bạo dạn viết một số tuồng trong có vở "Mũi Tên Diệt Bạo".

Được tin có "thầy Tư Trang" đến thăm người chị thứ ba của nghệ sĩ Từ Anh nhà ở gần rạp hát Trần Điền (Biên Hòa tôi mau mắn đến tìm gặp) "thầy Tư" trước là thỏa lòng ngưỡng mộ, kể nữa là khai thác kinh nghiệm nghề nghiệp của "Thầy Tư" gánh Năm Phi trụ tại rạp Trần Điền ngót tuần lễ. "Thầy Tư Trang" có dịp đọc hết và kỹ vở tuồng "Mũi Tên Diệt Bạo" của tôi. "Thầy Tư" hỏi này nom rất trẻ trong bộ bà ba vài quyển trắng tóc đen óng và dáng dấp ung dung như một nhà hiền triết. "Thầy Tư" thâu mật nói với tôi :



— Kêu qua bằng anh, đừng kêu qua bằng thầy nữa. Em có khiếu văn chương đó. Mà tuồng này của em không hát được đâu. Không phải tuồng bết mà tại em nói toàn chuyện bị ở tù như chơi. Làm cái khác đi. Có dịp qua sẽ dẫn dắt em thêm.

Tôi mua một gói thuốc "Đại Nam" mời anh. Anh không hút nghệ sĩ Từ Anh giải tỏa thắc mắc.

— Anh Tư ảnh có hút hiếc gì đâu. Tụi này thì hằng hà hằng chớ còn ảnh thì như thầy chùa ăn chay.

Vậy rồi chúng tôi xa nhau khá lâu. Thư từ cũng thưa lãn. Không phải do quên nhau mà do anh Tư phải lưu động theo các gánh hát. Còn tôi sau đó học thêm ở trường tự thực ở Huế.

Vào một đợt nghỉ hè 3 tháng, tôi thuê một "chiếc tròng" lên đênh trên sông Hương để quên nỗi nhớ nhà. Một buổi sáng sớm tôi vừa mở mắt thì đã nghe tiếng nhiều người nói chuyện lao xao quanh thuyền. Rõ ràng có giọng nói quen thuộc của chị Sáu Nết và chị Từ Anh "Tha hương ngộ cố tri" còn hạnh phúc nào bằng. Tôi nhảy qua tròng các anh các chị. Anh Từ Anh cho biết là đoàn sẽ hát tại Tân Tân bảy hôm rồi sau đó đi Thanh Hóa và thuận đường ra luôn Hà Nội. Hai hôm sau anh Tư Trang đáp xe lửa ra tới Huế. Chúng tôi mừng nhau chảy nước mắt. Anh Tư ít nói mà tình cảm thì rất dồi dào. Anh hỏi thăm sức khỏe và gia đình má tôi. Rồi nhắc tới chuyện, văn, thơ, tuồng tích. Tôi trao anh một tập thơ mới làm. Anh chê ra mặt.

— Hồi này em làm thơ ẹ quá. Toàn chuyện mộng mơ yêu đương gì đâu lãng xẹt. Thua hồi đó quá...

Ý anh muốn nói là hồi tôi còn ở Biên Hòa với vợ

học và ít nhiều chịu ảnh hưởng đạo đức Khổng Mạnh. Anh muốn theo bước chân Mạnh Thường Quân. Cho nên ngoài việc viết tuồng cho các gánh lớn, anh không quên đề thời giờ cho gánh nhỏ, gánh nghèo có tuồng đề "kiếm cơm" và đừng bị rã gánh. Một dạo, anh cho phép một số gánh hát nhỏ diễn các vở Lan và Điệp, Mực Liên Thanh Đề và Tô Ánh Nguyệt của anh.

Buổi trưa chia tay giữa anh Tư và tôi trên sông Hương thật là đáng giá ngàn vàng và đáng nhớ ngàn đời. Thuyền chúng tôi đậu ở bến Gia Hội dưới vòm lá một cây bồ đề cao tuổi. Chùa Gia Hội yên giấc ngủ trưa lặng im chuông mõ. Nước lớn từ sông Hương đẩy những chiếc lá bàng phiêu lãng trở về bến cũ. Sông Gia Hội no nê thêm chất thủy tinh xanh biếc do sự tiếp vận rộng rãi của dòng nước mẹ là con sông Hương duyên dáng mỹ miều.

Quá ngạc một chút thì có chiếc tròng từ cửa sông Cái từ từ tiến vào phía chúng tôi. Người ta thường nói! "Tuổi già hay tìm quên lãng trong giấc ngủ trưa". Nhưng trên chiếc tròng trước mặt chúng tôi, có một ông già đang ngồi thẳng lưng trên một chiếc ghế đầu gần như bất động. Toàn thân ông già mặc màu đà, màu của Phật, Trên vầng trán hói những sợi tóc thưa rục chổi và lưng linh trong nắng gió như những sợi kim tuyến. Đôi mắt ông cụ đắm chiều, xa vời. Sau lưng ông cụ, một cụ bé tóc đề chỏm trái đào đang cầm quét phe phẩy. Hồ ràng trước mắt chúng tôi là một bức tranh tiên: một vị tiên ông và một chú tiểu đồng. Và con sông Hương lúc đó đã do sự tương tượng của chúng tôi mà trở thành "dòng nước cõi đời".

— Ông Già Bến Ngự!

Tôi thốt lên như vậy. Và anh Tư cũng nhận ra ngay

hình ảnh tôn kính xưa. Ông già Bến Ngự chính là cụ Phan Bội Châu, nhà yêu nước lão thành đang bị pháp luật đế quốc và phong kiến cầm chân tại Huế. Trong những năm cuối đời mình, cụ Phan ít khi rời Bến Ngự. Vậy mà hôm nay bất đồ chúng tôi được hân hạnh gặp mặt cụ. Và đó là lần cuối cùng chúng tôi được chiêm ngưỡng dung mạo tuyệt vời của nhà chí sĩ họ Phan.

Sau này trong nhiều năm gần gũi, gần bó với anh Tư, tôi cứ nghe anh nhắc lại cái kỷ niệm hy hữu năm xưa về ông già Bến Ngự. Những bậc tiền bối yêu nước hồn ba hải ngoại tìm phương cách giải phóng dân tộc, đất nước như các cụ Phan Sào Nam, Phan Chu Trinh và đặc biệt là Bác Hồ bao giờ cũng được anh Tư đặt ở một nơi tu tôn nghiêm nhất trong tâm hồn anh. Hồi còn ở Mỹ Tho, những năm 1926-1928, anh có tham gia vào các cuộc đấu tranh đòi trả tự do cụ Phan Bội Châu như nhiều đồng bào yêu nước khác trong các tỉnh.

Ngần ấy lần gặp gỡ với anh Tư Trang, quả có gần gũi ít ỏi thật nhưng cũng đủ khiến cho lòng tôi tươi tỉnh lại phần nào. Bởi vì trước giờ tôi định kiến nặng với cái xã hội thực dân phong kiến, cái thứ xã hội đen bạc chuyên môn làm khổ và dày xéo, hất hủi con người tới giữa năm 1947, tôi mới được gặp lại anh Tư. Hồi này tôi làm báo "Việt bút". Còn anh Tư thì nghe nói hồi đầu kháng chiến có làm chủ tịch xã nhà. Sau đó yêu cầu công tác, anh được phân công trở về Sài Gòn hoạt động trong Mặt trận Liên Việt Thành, chuyên lo việc vận động và tập hợp lực lượng trong giới nghệ sĩ sân khấu. Lúc anh tìm tới tòa soạn báo "Việt bút" chúc mừng tôi mãn hạn tù bị quản thúc tại tỉnh nhà và được trở lại với nghề cầm bút thì

anh đã là Chủ tịch Hội Nghệ sĩ Ái Hữu và là "chính ủy" của đoàn cải lương "Con Tâm" thời gian này, anh nặng lo phần việc tổ chức hơn là sáng tác. Tuy vậy, những vở hát từ hồi 1936-1939 vẫn còn nhiều duyên nợ với khán giả Nam bộ. Như vở "Đời Cô Lữ" thì có lần được công diễn hai buổi liền tại rạp Nguyễn Văn Hảo, lần nào vé cũng bán sạch trước giờ mở màn, có lần, tôi được anh Tư cho đi coi một đêm Đại hội cải lương gồm toàn nghệ sĩ quen biết và khán giả Sài Gòn và Lục tỉnh như những anh Ba Vân, Năm Châu, Việt Hùng, Văn Chung, những chị Phùng Há, Hai Nữ, Thanh Hường vẫn là vở "Đời Cô Lữ". Màn chót, khi Minh Luân (Văn Chung) đâm chết tên Hội Đồng Thăng (Năm Châu) thì khán giả vỗ tay gần bề rạp Nguyễn Văn Hảo. Khán giả đồng tình với tác giả ở chỗ đã dùng ngòi bút nghệ sĩ thay họ "lên án tử hình" một tên tề ngụy cỡ "cơm". Lần đó, tôi ngồi kế anh tư ở hàng ghế đầu. Tôi thấy anh cuối mặt giấu những giọt nước mắt cảm động,

Tôi sở trường viết tiểu thuyết — anh Tư biết rõ điều này — nhưng không quên khuyến khích tôi viết kịch. Viết xong, đăng báo xong thì anh Tư kiếm chỗ cho kịch bản của tôi được cơ hội chào khán giả. Anh thấy tôi thường hay bị thất nghiệp nên thường lo chạy vai bán tuồng, bán vở kiếm thêm tiền nuôi con, nuôi vợ. Hai vở "Vàng" và "Sâu Bệnh" nhờ anh Tư làm mai mà được đưa lên sân khấu. Không phải chỉ có tôi được anh Tư đùm bọc nâng niu. Nghệ sĩ và công nhân sân khấu của hầu hết các gánh Sài Gòn đều nặng tình, nặng nghĩa với anh Tư. Chỗ nào có lục đục, có xích mích thì có

anh Tư tới dần xếp. Thấy anh Tư tới mọi người đều nǎng :

— “Tam Tạng” tới rồi :

— Và có “Tam Tạng” tới thì quý chùa; quý miếu êm re. Cái tên Trần Hữu Trang gợi sự liên tưởng tới thầy Trần Huyền Trang trong Tây Du Ký “Tam Tạng” là danh hiệu mà các anh chị em văn nghệ sĩ và công nhân trên sân khấu mến tặng anh Tư Trang. Mà cũng đúng là anh “Tam Tạng” thiệt, vì anh rất đức độ và hiền lành. Chị Ba Thanh Loan và các anh Ba Thừa Vinh, Chín Châu, Bảy Vân thường thường gọi đùa anh là phật sống.

Năm 1950, sau mấy số báo đặc biệt về Trần Văn On, anh Dương Tử Giang và tôi bị “chánh phủ” Trần Văn Hữu rượt mà người đi miền Đông, kẻ về miền Tây. Xa anh Tư Trang tôi vẫn theo dõi tin tức về anh. Tôi rất vui khi biết được là anh vẫn giữ vững ngọn cờ soái trên trận địa sân khấu và anh vẫn là trung tâm đoàn kết của giới.

Năm 1953, trả lời phỏng vấn của giám đốc báo Mới là Phạm Văn Tươi anh nhắc lại quan điểm quần chúng của mình : “Khi biểu diễn một vở, tài nghệ cá nhân quan hệ thật nhưng không quan hệ bằng lối biểu diễn của toàn thể. Chúng tôi bỏ lối đề cao cá nhân cũ kỹ trước kia, vì sân khấu là một nơi làm việc tập thể. Từ anh kéo màn, vai phụ đến anh diễn viên hạng nhất, ai cũng liên quan với nhau. Một vở diễn ra không phải là một công trình của một cá nhân thì việc “làm nổi” một anh A. Một chị B. là không hợp lý. Hơn nữa cái tinh thần trọng

vọng cá nhân bao giờ cũng có hại cho một việc làm tập thể như sân khấu”.

Lúc anh phát biểu như vậy là lúc anh đã xây dựng được một đoàn hát kiêu mới (tức đoàn Phước Chung). Đoàn này bản hiệu nhỏ thôi, không qui mô bề thế gì cho lắm song phần đông diễn viên đều trong sạch, tiến bộ, lấy chủ nghĩa tập thể làm nguyên tắc sống và hành nghề. Các nghệ sĩ Ba Thừa Vĩnh, Bảy Vân, Hai Nữ, Thanh Hùng, Ngọc Hoa... đều xuất thân từ đoàn này.

Năm 1954 là năm dẫn tới việc kết thúc số phận của chủ nghĩa đế quốc xâm lược Pháp tại Đông Dương. Sau Tết Quý Tị (1953—1954) không lâu, một buổi chiều trời mát lạ, vừa dứt cơn sốt nhẹ, tôi bèn ra ngồi câu cá giải khuây ở bờ sông Vàm Cỏ Tây. Gần chỗ tôi ngồi câu có cái quán cà phê nhỏ núp bóng dưới một cây ô môi. Màu đỏ sẫm hoa ô môi nổi bật trên màu xanh nõn của lá. Mặt đất trước sân quán ô môi một lớp xác hoa màu máu.

Có tiếng máy bay rú xa xa. Tôi chợt thấy có chiếc ba lá hai chèo đang lật đật đâm ngay vào ngọn xẻo tặc, gần quán ô môi. Anh Huỳnh Tấn Phát ngồi ở đầu xuống. Sau lưng anh là hai người đàn ông và một chị phụ nữ. Cả ba người này đều che nửa mặt bằng khăn rằn và khăn mùi soa. Tôi vội đứng thẳng lên và sau đó thì phải ngồi xuống lập tức vì máy bay đã sà tới.

Cặp mắt của một trong người đàn ông che mặt ngồi trên xuống hình như đang mở thật lớn để nhìn tôi cho rõ.

Tôi mừng rỡ reo lên :

— Anh Tư!

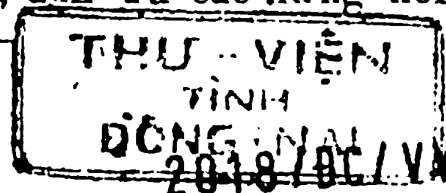
Người đàn ông ngồi kia cúi vội mặt xuống rồi

chẳng "đếm xia" gì đến tôi nữa cho tới khi máy bay qua khỏi và chiếc xuồng hối hả tách bến. Chỉ có anh Huỳnh Tấn Phát vẫy tay tôi và mỉm cười mà thôi. Mặt sông bấy giờ nặng trĩu bóng mây màu chì. Sắc ô môi trên cái sân đất trước quán như xói vào mắt tôi cay cay. Tự nhiên mà tôi nhớ ngay tới cái lớp cô Lan chôn xác bướm trong vỏ cải lương của anh Tư:

*Ôi! cánh hoa rụng tả tơi vì gió đập  
Xác bướm khô ôm ấp bởi tình lang  
Nhìn hoa lan mà ruột quặng trăm chiều  
Trọng hồ điệp lệ giòng tuôn mấy lượt.*

Có phải là anh Tư đã "cắt đứt tơ lòng" với tôi như cô Lan đã làm với Điệp không? Không, không phải như vậy. Vì nguyên tắc, vì kỷ luật anh Tư đã "ngó lơ" với tôi đó chớ! "ngó lơ" mà lòng vẫn hướng về cho tới khi xuồng đi vào ngã queo khuất bóng tôi. Năm 1954, vào thành, tôi có nhắc lại việc này. Anh Tư cười mỉm rất đáng yêu như để thay cho một lời nhận lỗi.

Suốt mấy đêm rồi tôi ngủ không yên giấc trăn trở một hồi lại ngồi dậy sững sờ với ngọn đèn nhỏ, một mình với cây viết và trang giấy trắng đang chờ tôi giữa đêm khuya vắng lặng. Mấy ngày nay tôi lượm cái nhà sàn nhỏ của người bạn đi công tác xa để có một chỗ viết yên tĩnh. Tôi nghĩ là mình phải hết sức tập trung và nghiêm túc khi viết về một nghệ sĩ đàn anh như anh Tư. Cái nhà sàn này nhắc tôi nhớ tới gian nhà tranh nằm cheo leo trên một triền đồi nghiêng nghiêng rợp bóng cây thao lao và quít rừng ở căn cứ địa miền Đông Bắc Nam Bộ. Ngồi trong căn nhà ấm như cái ổ chim này ngó xuống lòng suối ấm, sâu và chảy xiết, anh Tư cao hứng nói với tôi:



— Y như tụi mình ngồi trên nhà sàn.

Rồi anh tiếp :

— Yên ổn về, tụi mình kiếm một cái nhà cao cẳng ở miệt quê, nuôi cá rô phi, viết sách chơi.

Tôi hỏi anh :

— Anh Tư định viết gì nào ?

Anh mơ mộng phác thảo :

— Anh Vương Hồng Sển có rủ tôi viết hồi ký cái hương. Anh Vương Hồng Sển có nhiều tài liệu lắm... Chắc là sau này mình mới làm được và như vậy mới đầy đủ hơn được. Tụi mình chung sức với nhau, Nhà tôi nấu ăn giỏi lắm. Miếng vườn quanh nhà, chùm ruột bộn hàng...

"Nhà tôi" mà anh nhắc tới là chị Tư Trang. Trong cuộc đời và sự nghiệp của anh Tư, có sự đóng góp không nhỏ của chị Tư. Lần nào lên thăm chồng chị cũng mang lên cho chồng một giỏ chùm ruột quê hương, thứ chùm ruột không chua mà trái lại ngọt thảo và mặm mồi. Tuổi anh Tư hồi xưa là tuổi ngồi tĩa kiếng, nhấp trà. Thời đại đánh Mỹ này thúc giục mọi lứa tuổi phải lao vào cứu nước. Trung đội trưởng Trần Hữu Thế con trai và Thuận người cháu trai của anh và chị hy sinh khoảng năm 1952 ở mặt trận Kinh Bù, Đồng Tháp Mười. Hai cô con gái của anh và chị thì hoạt động trong phong trào phụ nữ ở địa phương. Con rể của anh chị, người còn ở tù, người đã đến nợ nước không nghe anh chị than thở bao giờ. Chỉ nghe chuyện giặc càn giặc bố ở tỉnh nhà và "cậu này" "cô kia" trong xã "đánh du kích giỏi hết cỡ". Lần nào chị lên thăm anh mà gặp tôi thì thế nào chị cũng tặng tôi một hộp trà ở Tổng ký.



— Anh Tư không biết uống trà, chị mua chi cho tốn tiền? — Tôi hỏi đùa chị.

— Ông không uống thì anh em uống chớ!

Anh chị giống nhau ở tấm lòng thảo lão, ở đầu óc trọng việc chung hơn việc riêng. Đó là cơ sở tinh thần giúp anh Tư bay bổng theo chí hướng. Anh Tư thuộc lòng nhiều đoạn Lục Vân Tiên. Trương Thị Thiết người vợ cao quý thủy chung của đại thi hào Nguyễn Đình Chiểu theo anh là tấm gương soi chung cho những người vợ đời nay.

Tháng bảy, năm 1961. Mùa mưa về sớm làm chuyển động rừng già. Năm đó, trời mưa lớn hơn mọi năm trước. Cái con suối cạn không còn khát nước nữa. Sông Mã Đà no nước ca hát suốt ngày đêm.

Được sự gợi ý, chỉ đạo và góp tay trực tiếp của các anh Trần Bạch Đằng, Tân Đức, Nguyễn Văn Hiếu, chúng tôi bắt tay vào việc đặt những viên gạch đầu tiên, chuẩn bị thành lập Hội Văn nghệ Giải Phóng. Khốn nỗi cơ quan lại hết gạo ngay vào giữa lúc này. Trong khi tôi dẫn đoàn văn công đi đào củ chụp thấy cơm thì các anh ở nhà gánh vác phần việc thảo các văn kiện và diễn văn điều lệ... của Hội.

**Hội Văn Nghệ Giải Phóng Miền Nam Việt Nam** thành lập, bọn Diệm sợ ảnh hưởng của hội nên chúng ráo riết vận động, một mặt vuốt? mua chuộc, một mặt rúa ép trắng trợn... nhưng: "Những âm mưu và ý định của chúng khó thực hiện được toàn vẹn".

Những tháng đầu năm 1963, Hội Văn Nghệ Giải Phóng phối hợp với Hội Nhà Báo yêu nước và Dân Chủ

mở "Trường Văn nghệ và Báo Chí Khóa một". Tại trường này, anh Tư vừa là thuyết trình viên vừa là học viên. Anh thẳng thắn nói: "Cái gì chưa biết thì học, không ngại dẫu dốt. Học để biết thêm, để phục vụ tốt cho cách mạng, Có sao đâu!" "Bài" Vài ý kiến về nghệ thuật cải lương của anh thuyết trình tại trường rất bổ ích sau được anh sửa chữa và cho đăng báo Văn Nghệ Giải Phóng số 6. Sau bài này là bài "Một số ý kiến về ca kịch cải lương" (đăng báo Văn nghệ Giải phóng số 9) đề cập tới nhiều vấn đề có tính cách chỉ đạo đối với nền ca kịch son trẻ này và hướng dẫn cách sử dụng các bài ca cho hợp làn điệu với mỗi tình huống phát triển của nhịp độ kịch.

Thú thật là tôi còn phải học tập nhiều về đức tính cần cù nhẫn nại của anh. Những năm lao động chèo tuồng đã cho anh một sức làm việc rất bền dẻo và tự giác cao. Trong trận chiến thắng Phước Thành, anh cùng tôi dẫn đoàn văn công đi phục vụ đại hội mừng công chiến sĩ, hơn tiên tham dự luôn đại hội Văn nghệ Miền Đông lần thứ nhất. Đường đi sinh lầy ngập mắt cá và đường ống quyển, muối, vất vả và bù mắt khiến người ta rất dễ nản lòng. Nhưng anh Tư đã chống gậy khỏe khoắn theo đoàn vượt qua các ngọn đồi cao và những con suối nổi tiếng dữ dằn đi tới nơi về tới chốn.

Anh Tư không quen làm thơ nhưng anh là người sành thơ. Anh thuộc nhiều thơ Đường và cả thơ của các anh Tố Hữu, Hướng Triều, Giang Nam và Thanh Hải nữa. Anh mê hai câu thơ của Từ Trầm Á:

*Có khi chép hết thiên ai sử*

*Xem lại dung nhan nửa võ vàng.*

Anh thuật lại là hồi anh viết Tô Ánh Nguyệt. Dời Cô Lựu, Lan và Điệp, Mộng Hoa Vương... anh đã khóc khi nhân vật của anh khóc. Anh hóa thân, nhập cuộc với nhân vật. Anh coi Nguyệt, Lan, Lựu... như là con gái anh, những người con gái bất hạnh nạn nhân của một chế độ tù hãm con người, nhất là nữ giới.

Tôi có hỏi anh :

— Vậy chớ viết vở nào, anh cười?

Thì anh vui vẻ:

— Tìm Hạnh Phúc, Chị Chồng Tôi... Còn khi tôi hợp tác với anh Năm Châu và anh Năm Nữ thì tôi ít bị khóc... Nhớ anh Ba Du đóng vai chánh trong Tìm Hạnh Phúc, ai coi qua một lần đều khó quên.

Thấy anh thích thơ, tôi hỏi anh :

— Anh có thích ca dao không ?

— Thích chớ !

— Đọc thử coi.

— “Tháp mười đẹp nhất bông sen, nước Nam đẹp nhất có tên Bác Hồ”.

Hai câu ca dao này vì trong đó có hình ảnh Bác Hồ.

Có những đêm tôi mở mắt ra còn bắt gặp anh chong đèn sáng tác. Lúc này anh viết lại vở Huê Dung Đạo, còn tôi thì Ngọn Gió Bình Nguyên một vở hát của anh Trần Bạch Đằng hồi chín năm. Khi anh làm xong vở của anh, tôi mới rị mọ hết màn một. Trên trang đầu bản thảo Huê Dung Đạo tôi viết tặng anh hai câu thơ :

*Tóc trắng mà lòng son vẫn trẻ,*

*Bút già càng cứng chắt gừng già.*

Tôi để ý thấy anh Tư bôi rất kỹ hai câu thơ trên trước khi đưa bản thảo đánh máy. Bình sanh, anh không

thích người ta đề cao mình. Danh vọng cá nhân hão huyền đề làm người ta tự phụ, tự mãn, tếu và hư. Viết xong được cái nào anh đều đọc chung cho nghe và sẵn sàng tiếp thu ý kiến đóng góp.

Cuối tháng tư đầu tháng năm 1963, anh Tư cùng với các đồng chí trong Ban Thường vụ Hội chủ trì Hội Nghị Ban Chấp hành mở rộng. Hội nghị vui mừng đón tiếp ông Trần Bạch Đằng và ông I Bích A Lê Ủy viên Chủ Tịch Đoàn Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận đến tham dự và đọc huấn từ, tham luận. Bảy mươi ba đại biểu trên khắp các địa phương miền Nam và đại biểu văn nghệ quân Giải phóng đã nghe Chủ tịch Trần Hữu Trang đọc báo cáo về tình hình phong trào Văn Nghệ Miền Nam sau ngày có hiệp định Giơ-ne-vơ; tình hình văn nghệ sĩ ở các vùng căn cứ vào vùng giải phóng từ ngày phong trào đấu tranh của nhân dân tiến lên; tình hình văn nghệ địch và văn nghệ trong các vùng địch kiểm soát vừa qua.

Nội dung văn nghệ yêu nước, yêu dân chủ, tiến bộ được chính thức xác lập tại hội nghị này.

Một lần nữa, anh Tư lại viết thư về thành. Tôi còn nhớ một đoạn thư lý thú: "Đêm hôm rồi, nhạc sĩ Trương Bình Tông qua tiếng vĩ cầm và lời kể chuyện thân mật về cuộc chiến đấu âm thầm của mình trong những năm dài hoạt động trong lòng đô thành Sài Gòn — Chợ Lớn đã gây cho chúng tôi một xúc động mạnh. Chúng tôi liên tưởng tới đời sống và sự làm việc của các bạn ở một nơi mà mọi điều kiện dân chủ tối thiểu đều không thể có. Nhưng trong cõi đen tối dày đặc như canh âm ty ấy, các bạn vẫn sống hiên ngang và không ngừng làm việc nghệ thuật. Ngọn đuốc chính nghĩa vẫn ngự trị trong trí

các bạn. Chúng tôi tuyệt đối tin tưởng rằng các bạn vẫn đầy đủ nghị lực và khả năng để chiếm lĩnh trận địa, quét tan khói hỏa mù của Mỹ Diêm đang làm hoen ố nền văn nghệ trong trắng của chúng ta. Chúng tôi tin tưởng sắt đá rằng các bạn sẽ làm rạng rỡ thêm truyền thống của bậc tiền bối ngày xưa như Trần Bình Trọng, Nguyễn Trãi, Thủ Khoa Huân... Các bạn sẽ nối chí được các liệt sĩ Dương Tử Giang, Trần Ngọc Sơn, Ba Cường, Nguyễn Mai... và cuối cùng các bạn sẽ chiến thắng".

Là Ủy viên Trung Ương Mặt Trận, Chủ tịch Hội Văn Nghệ Giải Phóng, Chủ nhiệm Tạp chí Văn Nghệ Giải Phóng, những chức vụ ấy không làm anh mất tác phong giản dị, khiêm tốn, luôn gần gũi và học tập quần chúng. Anh vẫn là nghệ sĩ mến yêu của nhân dân, người cán bộ lãnh đạo tận tụy và trung thành với lý tưởng, với nghệ thuật. Anh say mê học hỏi nghiên cứu.

Anh đọc kịch của Sêkhêp, Vic-to-huy-go, Ac-tơ Mi-lơ, Xêch-Xpia, Tào Ngụ, Lão Xá, Quách Mạt Nhược... Anh thán phục và quyết tâm đi theo con đường của Sta-nhi-láp-ski.

Báo Văn nghệ miền Bắc là nguồn chí viện lớn đối với văn nghệ miền Nam "Bắc Nam một nước, văn nghệ một nhà". là tình cảm sâu nặng đối với các anh chị em văn nghệ miền Nam, trong câu chuyện tâm tình tôi thường nghe anh Tư thân yêu, trầu mếu, nhắc nhở đến từng anh từng chị ngoài ấy. Anh nói: Nhờ có "Tắt Lửa Lòng" của anh Nguyễn Công Hoan, tôi mới có được "Lan và Điệp" khán giả có cảm tình với "Lan và Điệp" là vì đã mê "Tắt Lửa Lòng" của anh Nguyễn Công Hoan. "Tạp chí nghiên cứu văn học là sách gối đầu

của anh. Điều làm anh cảm động nhiều là do sự chăm sóc của anh Sỹ Tiến và giới văn nghệ miền Bắc mà vở "Đời Cô Lữ" của anh được dịp ra mắt đồng bào miền Bắc. Anh coi đó là một sự cảm thông nghệ thuật rất ý nghĩa. Một cử chỉ có tác dụng động viên không nhỏ đối với Văn nghệ miền Nam, đặc biệt là đối với sân khấu. Thư từ giữa anh Sỹ Tiến và anh, tôi có được đọc. Tôi cảm thấy niềm vui của anh Tư cũng là niềm vui của chúng tôi.

Anh rất chịu khó vượt đường xa gian khổ đi dự các hội nghị lớn. Không đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua quân giải phóng nào mà không có mặt anh. Anh ghi chép rất cẩn thận và ứa nước mắt trước những tấm gương anh hùng liệt sĩ vì nước vì dân quên mình. Trong giờ đi câu cá với chị Châu và chị Quyên, anh tranh thủ hỏi han rất kỹ về anh hùng Nguyễn Văn Trỗi. Và khi anh vừa hoàn thành một màn cải lương "Nguyễn Văn Trỗi" và chưa kịp cho chúng tôi mừng thọ lục tuần thì anh đã nhắm mắt qua đời! Đêm tiễn đưa anh về nơi yên nghỉ cuối cùng tôi thoáng nghe mùi hoa lan êm dịu, ngát thơm dưới ánh trăng hạ huyền. Tiếng kêu thống thiết của anh Bùi Kinh Lãng trước phút linh cữu của anh Tư Trang từ từ hạ huyết như còn vang vọng mãi bên tai tôi: "Anh Tư ơi! chúng tôi nhớ mãi giờ phút đau đớn này"

Ngày 20-10-1966, Ban Chấp Hành Trung Ương Hội Văn Nghệ Giải Phóng tổ chức truy điệu trọng thể nhà soạn kịch lão thành Trần Hữu Trang. Tối ngày 20-11-1966, tất cả các văn nghệ sĩ có mặt ở Hà Nội đều đã nghiêng mình trước bức tượng thạch cao tạc chân dung soạn giả quá cố Trần Hữu Trang do nghệ sĩ tạo hình Diệp Minh Châu nặn. Cho đến hôm sau hàng trăm vòng

hoa đã được đặt dưới chân dung của người đã mất. Ủy Ban Trung Ương Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng miền Nam đã truy tặng soạn giả Trần Hữu Trang huân chương Thành Đồng.

Đó là tài liệu, tin tức phát đi trên đài tiếng nói Việt Nam và Đài Giải Phóng. Còn trong trái tim của văn nghệ sĩ hai miền Nam Bắc thì hình bóng, trí tuệ, tài năng, phong cách và phẩm chất thanh cao của nhà nghệ sĩ đàn anh Trần Hữu Trang vĩnh viễn trở thành một di sản tinh thần, một pho sách quý báu cho nhiều thế hệ nghệ sĩ mai sau nghiên cứu, học hỏi và thực hiện.

Nghệ sĩ Trần Hữu Trang, sống mãi trong tâm khảm những người nghệ sĩ chúng ta.

Anh Tư kính mến,

Hôm rày tôi cứ ra vào thơ thẩn. Tôi cố đào sâu trí óc, lục soạn tài liệu để nhớ anh thật nhiều. Chắc chắn là tôi không nhớ hết. Xin anh tha lỗi cho người bạn nhỏ của anh, người bạn thuở tóc xanh và thời tóc trắng. Ba mươi năm nặng tình, nặng nghĩa chúng ta đã nương tựa dìu dắt nhau đi được một chặng đường đất nước và nghệ thuật khá dài. Anh từng nói với chúng tôi : "Con tầm đật thác cũng còn vương tơ". Con tầm cách mạng không bị nghèo lá sâu như xưa nữa. Có lãnh đạo, có nhân dân, có bạn bè trên khắp trái đất, trí óc chúng ta thêm sáng, trái tim chúng ta thêm giàu. Con tầm cách mạng nhả tơ cách mạng không những để dệt áo cho đời mà còn là chất liệu kiến trúc tâm hồn con người. Anh nhắm mắt nhưng nhưng anh còn trẻ mãi với non sông Tô quốc. Hoài bão, chí hướng, sự nghiệp của anh chúng tôi đang thực hiện. Những cái anh làm dở dang, chúng tôi cố gắng tiếp tục...

# MỒ ANH HOA NỔ

Anh Vũ Tùng tên thật là Nguyễn Văn Thọ, sinh năm 1917, tại Thanh Hóa.

Cụ Nguyễn Kim Chi, thân phụ anh Vũ Tùng vốn là chuyên viên hóa chất nhà máy diêm Hàm Rồng. Cụ quê ở Bắc Ninh. Gia đình cụ phải sớm rời bỏ quê hương tha phương cầu thực. Vì vậy, Thanh Hóa đã trở thành quê hương thứ hai của gia đình anh Thọ.

Sinh viên Nguyễn Văn Thọ là học trò cũ của các ông giáo trường Thăng Long những năm 1937 — 1938. Anh bỏ trường rất sớm và bước vào con đường hoạt động chính trị cũng rất sớm. Anh đã tham gia tích cực vào các phong trào nổi dậy của học sinh, sinh viên Hà Nội hồi bấy giờ và có lần suýt ở tù. Anh trở về Thanh Hóa với nghề công chức nhỏ tại nhà máy diêm của tỉnh này. Chính nơi đây anh đã tham gia vào phong trào công nhân nhà máy diêm, đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ và đã được đồng chí Bùi Đạt (Bí thư Tỉnh ủy Thanh Hóa) hướng dẫn, rèn luyện trở thành một chiến sĩ cách mạng trẻ tuổi. Bị truy lùng ráo riết, anh phải bỏ xứ trôi dạt vào Sài Gòn. Năm ấy anh mới 23 tuổi.

Vũ Tùng là tên mới của chàng thanh niên Nguyễn Văn Thọ. Lánh né vào Sài Gòn không có giấy tờ hợp



pháp, anh Thọ được gia đình ông công nhân Vũ Bằng đùm bọc và nhận làm con.

Lúc hoạt động ở Sài Gòn, anh Vũ Tùng ở nhà ông Hervochon đảng viên Đảng Xã Hội Pháp. Khi ông Hervochon về Pháp, ông gửi gắm anh lại cho gia đình bà Lemaire, giáo sư trường Marie Curie, một bà giáo rất cảm tình với chủ nghĩa Mác. Ở nhà bà giáo Lemaire những lúc bị theo dõi, anh Vũ Tùng được bà giấu trên trần nhà. Khi đi dạy học, bà đã mang tài liệu, sách báo bí mật trong ca-táp và vô hình dung bà đã trở thành liên lạc viên đặc lực của anh Vũ Tùng.

Ít lâu sau, trên tờ báo Justice, cơ quan ngôn luận của Đảng Xã Hội Pháp, trụ sở ở số 5 đường Farinole, (sau dời về số 10 Verdun), người ta thấy xuất hiện một tên tuổi mới : V. Tùng (tức Vũ Tùng). V. Tùng ký tên dưới những bài báo này lửa đăng ở phần Việt Ngữ của tờ Justice. Những năm 1946—1947, tờ Justice được coi là tờ báo nòng cốt, một chiến sĩ xung kích của phong trào báo chí thống nhất. Một số cây viết tiên bộ yêu nước lấy tờ Justice làm bình phong hoạt động. V. Tùng đã trở thành một cái tên tập hợp. V. Tùng đồng thời cũng trở thành một "đối thủ" đáng gờm của thực dân Pháp và bè lũ bù nhìn.

Xin chép lại một vài đoạn trong một bài báo tuyên chiến với bù nhìn Pháp đăng trên báo Justice ra ngày thứ sáu, 28 tháng 2 dương lịch, năm 1947. Bài báo nhan đề : "Nhà cầm quyền con buôn" Dưới bài báo ký tên V. Tùng.

## TÌNH CẢNH LÀNG BÁO

"Nếu cần mở một cuộc điều tra về nạn thất nghiệp trong các nghề ở Nam Bộ, tôi xin trả lời vắn tắt rằng trong các nghề thì nghề làm báo hiện thất nghiệp nhiều hơn hết. Trung bình hiện giờ có tới 80 nhân viên tòa soạn của 12 tờ báo bị đình bản phải "treo" bút và hơn một trăm thợ thuyền nhà in đang lang thang khắp nơi kiếm việc.

Tình cảnh của phần đông nhà báo thất nghiệp hiện tại cực khổ, thiếu thốn không kém gì anh em kháng chiến ngoài mặt trận. Họ cực khổ vì họ chỉ chuyên có một nghề viết. Họ không thể bán rẽ lương tâm dùng ngòi viết buôn giống, bán nôi. Ngòi bút là một trong những lợi khí có thể làm nghiệp giữa giang san trong cuộc cách mạng giải phóng này, nên vì sự mạng nạng nẽ của kẻ cầm bút họ đành chịu cơ cực âm thầm trong cảnh thất nghiệp.

Nạn thất nghiệp trong làng báo còn lâu rộng và trầm trọng hơn nữa nếu chế độ chính trị phản cách mạng ở Nam Bộ còn tồn tại và nhưt là bọn độc tài kia còn lợi dụng quyền lực trong tay để đầu cơ báo chí".

Trong đoạn tiếp theo đó, V. Tùng vạch mặt, chỉ trán ngay tên Việt gian giám đốc Bộ Thông Tin Nam Kỳ Quốc Võ Văn Lúa.

## MỘT KẸ THÙ CỦA LÀNG BÁO

Trước khi kéo tấm màn đen lên thiết tưởng chúng tôi cần phải giới thiệu trước với bạn đọc ai là người đã đứng sau tấm màn ấy. Người ấy là ông Võ Văn Lúa.

"Giám đốc Bộ Thông Tin Nam Kỳ Quốc" người đã đề nghị bóp chết bao nhiêu tờ báo quốc âm, đã lập ra phòng kiểm duyệt và chính tay ông kiểm duyệt gặt gao bao nhiêu số báo mùa xuân vừa qua.

Ai ngờ hôm nay, lại chính người ấy dùng quyền lực của mình trong đĩa hạt báo chí **ĐỂ MUU LỢI CÁ NHÂN.**

Một sự thật chua chát đã chứng tỏ rằng : **HỌ BỎ QUÊ HƯƠNG THEO THỰC DÂN CHỦI LẠI ĐỒNG BÀO, CHẴNG QUA VÌ : MỘT CHỦ NGHĨA VĨ ĐẠI : ĐỒNG TIỀN !**

Những tiếng "phân lý", "tự trị" mà họ đã nói hay viết ra một cách hùng hồn để tuyên truyền trong dân chúng, thật ra họ biết là vô nghĩa nhưng họ vẫn cứ làm một khi đã nặng túi.

Nhưng địa vị bù nhìn mà bọn thực dân đã hao tốn bao nhiêu công của mới đặt xong cho họ ngồi để lừa gạt dân chúng, họ cũng chưa thỏa mãn một khi họ nhận thấy với cái danh từ ấy, với cái địa vị ấy họ có thể làm tiền thêm ở đĩa hạt khác.

Thì đây, ngày 12 tháng 2 năm 1947 ông Võ Văn Lúa, "giám đốc Bộ Thông Tin Nam Kỳ quốc" đã công nhiên ký một hợp đồng giao trọn quyền cho bạn đồng nghiệp Nguyễn Sĩ Hống chủ trương tờ báo "Tân Thời" của ông với những điều kiện con buôn hoàn toàn.

Đọc bản hợp đồng tưởng có thể "chết ngạt" vì hơi tiền, hơi bạc. Lại nhìn thấy chữ ký của ông "giám đốc Bộ Thông Tin" vươn mình nằm rành rành dưới khoản thứ sáu trong tờ "hợp đồng", tôi không khỏi trầm ngâm nghĩ đến cơ đồ "Nam kỳ quốc".

Tôi hiểu ngay rằng sở dĩ ông Lúa phải sang “cửa tiệm Tân Thời” này cho bạn đồng nghiệp Nguyễn Sĩ Hồng là vì trước đây ông đã cho xuất bản 3 số mà chẳng ai mua... Nên buộc lòng phải bán chính sách “tự trị” cho “phe thống nhất” để kiếm lời, còn sống chết đã có bọn thực dân chịu đựng.

Một viên “giám đốc thông tin” có quyền buôn quyền bán thế của họ bằng lối đầu cơ báo chí không?

Chúng tôi xin nhường cho phái “tự trị” trả lời và tự xử với nhau. Một hợp đồng phi pháp như thế đã đủ lột trần trường ý nghĩa thuyết phân ly “con buôn” chưa?

Chúng tôi cũng xin nhường cho công luận câu trả lời lịch sử ấy.

Cuối bài, có đoạn:

Chưa hiểu sau khi tố cáo vụ này, chúng tôi sẽ gặp những phản động lực gì và số phận báo JUSTICE sẽ ra sao, nhưng chúng tôi quyết làm một việc bổn phận.

Năm 1948, anh Vũ Tùng dẫn một người Pháp tên G.T.Chesneaux, một đảng viên đảng Xã hội Pháp, ra khu kháng chiến để gặp ta. Giữa đường anh bị bắt. Ông Chesneaux bị trục xuất về Pháp. Còn anh Vũ Tùng thì bị giam ở khám lớn Sài Gòn cùng với hai người bạn nữa của anh. Một tổ chức quốc tế tiến bộ đã can thiệp và anh được trả tự do cách ngày bị bắt ba tháng. Sau vụ bê bối này, xét thấy anh Vũ Tùng không còn hoạt động công khai được nữa. Đảng rút anh ra khu kháng chiến. Anh rời Sài Gòn năm 1949. Lúc bấy giờ đặc khu Sài Gòn — Chợ Lớn — Gia Định đóng căn cứ ở gần Thủ Đức, sau dời về Vườn Cau xã Phước An, huyện Long Thành. Anh Vũ Tùng từ căn cứ Bà Bông (Phước An) đi khu chín

năm 1950, học trường Đảng Trường Chính, khóa 1.

Năm 1954, anh được phân công ở lại và trở về Sài Gòn hoạt động. Anh là một trong những đồng chí phụ trách phong trào báo chí công khai. Nhưng ít lâu sau, bị Mỹ Diệm khủng bố ráo riết, anh lại phải rút vào bí mật. Sau Đồng khởi, Khu ủy khu Sài Gòn—Gia Định đóng ở căn cứ kháng chiến Hồ Bò xã Phú Mỹ Hưng. Ban Tuyên Huấn đóng ở Xóm Thuốc xã An Phú. Căn cứ này ngày càng trở nên kiên cố. Hệ thống địa đạo của cơ quan được nối liền vào hệ thống địa đạo chung của Củ chi đất thép thành đồng. Chính ở mảnh đất kiên cường này, đồng chí Vũ Tùng đã hy sinh anh dũng tại chiến hào của mình trong trận càn đầu tiên của 12.000 tên giặc Mỹ vào Bến Cát và Củ Chi. 8.000 tên đã càn vào Hồ Bò và An Phú 4.000 tên đóng ở vùng ngoài. Chúng đã dã man dùng cả hơi ngạt và chất độc hóa học bơm vào các địa đạo. Bằng mọi giá, chúng cố thực hiện ý đồ chiến lược của chúng, trong trận càn này là tiêu diệt cho kỳ được đầu não kháng chiến của khu Sài Gòn—Gia Định.

Đồng chí Vũ Tùng hy sinh năm 1965. Năm ấy đồng chí 48 tuổi. Đồng bào và giới báo chí cả nước sôi sục căm thù khi nhận được tin đồng chí Vũ Tùng bị giặc Mỹ giết hại. Nhất là Sài Gòn, nơi đồng chí Vũ Tùng đã sống và hoạt động trong nhiều năm. Nơi đây tên tuổi của đồng chí đã trở thành ngọn cờ của phong trào báo chí Sài Gòn. Ban bè tri kỷ, đồng chí, đồng nghiệp thân yêu quý mến đã cắn răng nén nước mắt khi nhận được tin buồn nói trên.

Anh Nguyễn Sĩ Hồng một trong những người bạn của đồng chí Vũ Tùng, đã nói với tôi:

— “Tôi ra khu kháng chiến gặp anh Vũ Tùng, lần đầu và cũng là lần cuối cùng. Lúc bấy giờ tôi vẫn công tác dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của các anh Trần Bạch Đằng và Vũ Tùng. Khi anh Vũ Tùng mất thì chúng tôi cũng vừa xây dựng xong một nhà in, nhà in Phương Nam, để làm cơ sở in ấn của ta. Dưới nhà in Phương Nam có một căn nhà hầm bí mật. Báo “Cờ Giải Phóng” có lần đã in tại đây. Anh Vũ Tùng đã góp công lao rất lớn vào công việc xây dựng cơ sở in ấn chiến lược này. Hiệu nhà in Phương Nam ở số 5 đường Nguyễn Thượng Hiền. Anh Vũ Tùng có nói với tôi là sẽ có một ngày nào đó, anh về thăm tôi và anh em công nhân nhà in Phương Nam. Tiếc quá, phải chi anh còn sống...”

Trước mặt tôi là chân dung anh Vũ Tùng. Nom anh rất trẻ mắt rất sáng, nét mặt cương nghị nhưng rất giàu tình cảm, rất giàu chất thơ mộng. Ít người biết anh là Vũ Tùng rất sành thơ. Anh đã làm nhiều bài thơ hay. Và đọc thơ, ngâm thơ sau những giờ làm việc căng thẳng. Thật là kỳ diệu. Những nhà hoạt động chính trị của chúng ta phần nhiều là những nhà yêu thơ. Bởi vì dân tộc Việt Nam không những giàu truyền thống đánh giặc mà còn giàu truyền thống văn thơ. Một dân tộc văn hiến sản sinh ra những lớp người văn hiến.

Anh Vũ Tùng rất thích bài thơ “Mồ Anh Hoa Nữ” của Thanh Hải. Anh đã chép bài thơ vào tập sổ tay nhỏ trước khi anh thuộc lòng bài thơ này.

Chị Vũ Tùng (chị Nguyễn Thị Nhâm) cũng là một bà chị có khiếu văn thơ. Nhiều năm, chị là biên tập viên của Đài phát thanh Giải Phóng. Hai anh chị yêu nhau và cưới nhau năm 1950 tại Tân Long (chiến khu Đ).